

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 1469/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nha Trang, ngày 02 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đề án “Quy hoạch Quản lý Chất thải rắn
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 114/2006/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài chính- Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường;

Xét kết quả nghiệm thu về nội dung của Hội Đồng thẩm định Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Biên bản cuộc họp ngày 18-09-2009 và kết quả thẩm định kinh phí thực hiện dự án Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa của Sở Tài chính tại công văn số 1590/STC-DT ngày 18-06-2010;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 381/TTr-STNMT-CCBVMT ngày 19/7/2010,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt đề án: “Quy hoạch Quản lý Chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa” do Sở Xây dựng chủ trì, Đơn vị tư vấn thực hiện: Trung tâm Công nghệ - Môi trường (ENTEC).

Điều 2. Trách nhiệm các sở, ngành, đơn vị:

Sở Xây dựng công bố Quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng; bàn giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, Thị xã Cam Ranh và thành phố Nha Trang, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong để sử dụng trong công tác quản lý nhà nước về đầu tư, xây dựng và bảo vệ môi trường.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; các Giám đốc sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; (chủ tịch UBND) các huyện, thị xã Cam Ranh và thành phố Nha Trang; Trưởng

Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như điều 3.
- ENTETC
- Lưu VT-HN.

20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ
SỞ XÂY DỰNG**

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

**QUY HOẠCH QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ
ĐẾN NĂM 2020**

*(Báo cáo đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến Hội đồng nghiệm thu họp
ngày 18/09/2009 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hoà)*

**CƠ QUAN CHỦ DỰ ÁN
SỞ XÂY DỰNG KHÁNH HOÀ**

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Dẽ

**CƠ QUAN TƯ VẤN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI
TRƯỜNG - ENTEC**



PGS. TS. PHÙNG CHÍ SỸ

Nha Trang, Tháng 11 năm 2009

Bãi rác nằm trong khu vực đồng trống xung quanh là đồi núi, ngoài mỏ đá khai thác của huyện thì xung quanh bãi rác không có hệ thống các dịch vụ, các cơ sở sản xuất công nghiệp. Thảm thực vật xung quanh bãi rác chủ yếu là cây bụi và mía do nhân dân trồng.

Các cơ sở kinh doanh dịch vụ, sản xuất công nghiệp chủ yếu phân bố trên QL1A. Nằm cách xa bãi rác.

Công nghệ xử lý được áp dụng dự kiến sẽ là tái chế các loại phế thải và chôn lấp phần tro không thể tái chế được (khoảng 8 – 10 %). Công suất tiếp nhận dự kiến khoảng 200 tấn rác/ngày, phục vụ cho cả huyện Diên Khánh và các vùng lân cận.

4.1.3.5. Bãi rác Sơn Trung, huyện Khánh Sơn

Bãi rác Sơn Trung thuộc địa bàn xã Sơn Trung, huyện Khánh Sơn cách trung tâm huyện khoảng 4km. Đây là bãi rác tự phát của địa phương và đã được quy hoạch thành BCL chung của thị trấn Tô Hạp và giao cho Công ty Công trình Đô thị huyện Khánh Sơn quản lý.

Tuyến đường vận chuyển vào bãi rác là đường cấp phối sỏi đỏ, rộng khoảng 6m. Xung quanh bãi rác không có dân cư sinh sống, thảm thực vật chủ yếu là cây bụi và cây hoang dại.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ, ... chủ yếu tập trung tại trung tâm của thị trấn.

4.1.3.6. Bãi rác thị trấn Khánh Vĩnh

Bãi rác thị trấn Khánh Vĩnh do Công ty Công trình Đô thị huyện Khánh Vĩnh quản lý nằm cách trung tâm thị trấn khoảng 4km.

Tuyến đường giao thông chuyên chở vào bãi rác là đường nhựa rộng khoảng 4m. Xung quanh khu vực bãi rác chủ yếu là đất nông nghiệp và một số nhà tạm của nông dân làm rẫy.

4.1.3.7. Huyện Ninh Hoà

(1). Bãi rác Ninh An

Bãi rác Ninh An thuộc địa bàn thôn Ninh Ích, xã Ninh An, cách đường nhựa khoảng 2,5km.

Tuyến đường dẫn vào bãi rác là đường cấp phối đất rộng khoảng 4m. Xung quanh bãi rác không có các cơ sở kinh doanh dịch vụ cũng như dân cư. Cách khu vực bãi rác khoảng 1km có 2 cơ sở công nghiệp chủ yếu là gia công sắt thép.

Bảng 4.40: Vị trí các bãi rác đang tồn tại và dự kiến quy hoạch.

Stt	Đơn vị hành chính	Bãi rác	Toạ độ (X, Y) ^(*)	Diện tích (ha)	Ghi chú
01	Thành phố Nha Trang	Bãi rác đèo Rù Rì	600.890,40 1.361.415,70	10,0	Hiện tại sẽ đóng cửa
02		Bãi rác Lương Hoà	601.205,95 1.361.880,81	45,0	Quy hoạch
03	Thị xã Cam Ranh	Bãi rác Dốc Sạn	593.194,30 1.316.046,40	2,0	Hiện tại
04		Bãi rác Đồng Bà Cỏ	593.025,60 1.311.836,20	20,0	Quy hoạch
05		Khu xử lý CTRCN cho toàn Vùng duyên hải Nam Trung Bộ	-	100,0	Quy hoạch
06	Huyện Cam Lâm	Bãi rác Cam An Nam	596.134,50 1.327.794,10	2,0	Hiện tại sẽ đóng cửa
07		Bãi rác Suối Cát	591.670,16 1.348.224,04	50,0	Dự kiến Quy hoạch
08	Huyện Diên Khánh	Bãi rác Gò Sạn	588.654,10 1.356.948,00	2,0	Hiện tại sẽ đóng cửa trước 2015
09		Bãi rác Trảng Găng	587.219,65 1.358.667,60	12,3	Quy hoạch
10	Huyện Khánh Sơn	Bãi rác Sơn Trung	577.064,1 1.330.523,0	0,5	Hiện tại
11	Huyện Khánh Vĩnh	Bãi rác thị trấn Khánh Vĩnh	574.200,5 1.357.949,6	0,5	Hiện tại
12	Huyện Ninh Hoà	Bãi rác Hòn Rọ	597.446,70 1.385.352,00	5,0	Hiện tại
13		Bãi rác Hòn Khô	584.423,13 1.388.134,78	5,0	Dự kiến quy hoạch
14	Huyện Vạn Ninh	Bãi rác Dốc Ké	609.070,30 1.409.041,70	2,0	Hiện tại
15		Bãi rác Suối Hàng	610.608,66 1.410.621,17	30,0	Dự kiến quy hoạch

Ghi chú (*): Tính theo hệ tọa độ VN2000.

Theo bảng trên thì hiện tại các bãi rác trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà có quy nhỏ. Trong tương lai, các bãi rác quy hoạch có quy mô từ vừa đến rất lớn. Do đó, khoảng cách thích hợp từ các khu vực bãi rác đang tồn tại và dự kiến quy hoạch trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà được xác định như trong bảng 4.41.

Bảng 4.41: Khoảng cách thích hợp từ các khu vực bãi rác đang tồn tại và dự kiến quy hoạch trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.

Stt	Các công trình	Đặc điểm và quy mô công trình	Khoảng cách tối thiểu từ vành đai công trình tới các bãi chôn lấp, (m)		
			Bãi chôn lấp nhỏ và vừa	Bãi chôn lấp Lớn	Bãi chôn lấp Rất lớn
01	Đô thị	Các thành phố, thị xã, thị trấn, thị tứ ...	3.000 - 5.000	5.000 - 15.000	15.000 - 30.000

Đánh giá về sự phù hợp địa điểm của bãi rác thị trấn Khánh Vĩnh được trình bày trong bảng 4.69.

Bảng 4.69: Đánh giá về sự phù hợp địa điểm của bãi rác thị trấn Khánh Vĩnh.

Stt	Chỉ tiêu	Đặc điểm	Điểm
01	Đặc điểm địa hình	Địa hình tương đối bằng phẳng bằng phẳng	1
02	Thủy văn	Trong bán kính 2km không có các nguồn nước chính nào	1
03	Địa chất, địa chất công trình	Đất cát màu xám vàng, sét màu nâu đen, khả năng chịu tải của nền đất tốt.	1
04	Đặc điểm địa chất thủy văn	Đáy hồ chôn lấp hiện tại nằm cách tầng nước ngầm gần nhất là 25m. Hệ số thấm của khu vực trung bình là 0,17m/ngày.	1
05	Tài nguyên khoáng sản	Trong khu vực BCL không có tài nguyên khoáng sản	2
06	Thời tiết, khí hậu	Nằm cuối hướng gió chính	2
07	Khoảng cách từ trung tâm đô thị đến khu xử lý	Khoảng cách từ trung tâm huyện đến khu vực BCL hơn 4 km.	2
08	Khoảng cách từ khu xử lý đến điểm dân cư	Khoảng cách đến điểm dân cư gần nhất hơn 500m.	0
09	Khoảng cách từ khu vực giải trí, tổ chức văn hoá, tôn giáo đến khu xử lý	Nằm cách xa trung tâm văn hoá huyện 1,5km.	2
10	Khoảng cách từ đường giao thông công cộng vào khu xử lý	Khoảng 2km	2
11	Vấn đề phân vùng quy hoạch đất đai	Nằm trong khu vực đất hoang chưa sử dụng.	2
12	Vấn đề tồn tại về môi trường, mỹ quan	BCL hiện tại có thể chấp nhận được về vấn đề môi trường, mỹ quan.	2
Tổng điểm			18

Kết luận: BCL hiện tại của huyện Khánh Vĩnh phù hợp với hiện tại nhưng việc mở rộng và nâng cấp thành một bãi thải có quy mô lâu dài phải tính đến phương án di dời dân cư xung quanh.

(7). Huyện Ninh Hoà

1). Bãi rác Hòn Rọ (đang tồn tại)

Đánh giá về sự phù hợp địa điểm của bãi rác Hòn Rọ - Ninh An được đưa trong bảng 4.70.

Bảng 4.70: Đánh giá về sự phù hợp địa điểm của bãi rác Hòn Rọ - Ninh An.

Stt	Chỉ tiêu	Đặc điểm	Điểm
01	Đặc điểm địa hình	Địa hình đồi gò, nhấp nhô với độ dốc trung bình là 10%	1

Stt	Chi tiêu	Đặc điểm	Điểm
02	Thủy văn	Bán kính xung quanh 2km không có một nguồn nước nào.	2
03	Địa chất, địa chất công trình	Đất cát kết màu xám vàng, sét màu nâu đen, khả năng chịu tải của nền đất tốt.	1
04	Đặc điểm địa chất thủy văn	Đáy hồ chôn lấp hiện tại nằm cách tầng nước ngầm gần nhất là 25m. Hệ số thấm của khu vực trung bình là 8,89m/ngày.	1
05	Tài nguyên khoáng sản	Trong khu vực BCL không có tài nguyên khoáng sản	2
06	Thời tiết, khí hậu	Nằm cuối hướng gió chính	2
07	Khoảng cách từ trung tâm đô thị đến khu xử lý	Khoảng cách từ trung tâm huyện đến khu vực BCL hơn 7 km.	2
08	Khoảng cách từ khu xử lý đến điểm dân cư	Khoảng cách đến điểm dân cư gần nhất hơn 1km.	2
09	Khoảng cách từ khu vực giải trí, tổ chức văn hoá, tôn giáo đến khu xử lý	Nằm cách xa trung tâm văn hoá huyện 6km.	2
10	Khoảng cách từ đường giao thông công cộng vào khu xử lý	Khoảng 4,5km	2
11	Vấn đề phân vùng quy hoạch đất đai	Nằm trong khu vực đất công nghiệp.	1
12	Vấn đề tồn tại về môi trường, mỹ quan	BCL hiện tại có thể chấp nhận được về vấn đề môi trường, mỹ quan.	1
Tổng điểm			19

Kết luận: BCL hiện tại của huyện Ninh Hoà phù hợp với việc mở rộng và nâng cấp thành một bãi thải có quy mô lâu dài.

2). Bãi chôn lấp Hòn Khô, Ninh Sim (dự kiến quy hoạch)

Đánh giá về sự phù hợp địa điểm của bãi rác Hòn Khô - Ninh Sim được đưa trong bảng 4.71.

Bảng 4.71: Đánh giá về sự phù hợp địa điểm của bãi rác Hòn Khô - Ninh Sim.

Stt	Chi tiêu	Đặc điểm	Điểm
01	Đặc điểm địa hình	Địa hình đồi gò, nhấp nhô với độ dốc trung bình là 10%	1
02	Thủy văn	Cách bãi chôn lấp 1km có con suối Ê rong ru với độ rộng 8m, độ sâu 2m.	1
03	Địa chất, địa chất công trình	Đất cát kết màu xám vàng, sét màu nâu đen, khả năng chịu tải của nền đất tốt.	1
04	Đặc điểm địa chất thủy văn	Đáy hồ chôn lấp hiện tại nằm cách tầng nước ngầm gần nhất là 28m. Hệ số thấm của khu vực trung bình là 8,32m/ngày.	1
05	Tài nguyên khoáng sản	Trong khu vực BCL không có tài nguyên khoáng sản	2
06	Thời tiết, khí hậu	Nằm cuối hướng gió chính	2
07	Khoảng cách từ trung tâm đô thị đến khu xử lý	Khoảng cách từ trung tâm huyện đến khu vực BCL hơn 14 km.	2

(2). Đã đo đạc, lấy mẫu, phân tích 27 mẫu không khí (11 chỉ tiêu), 18 mẫu nước sông, suối (16 chỉ tiêu), 02 mẫu nước biển ven bờ (16 chỉ tiêu), 18 mẫu nước ngầm (14 chỉ tiêu), 18 mẫu nước thải từ các bãi chôn lấp rác 23 chỉ tiêu), 10 mẫu đất (06 chỉ tiêu). So sánh kết quả phân tích với TCVN/QCVN cho thấy 26,9% số chỉ tiêu chất lượng không khí, 1,4% số chỉ tiêu chất lượng nước sông, 0% số chỉ tiêu chất lượng nước biển ven bờ, 4,7% số chỉ tiêu chất lượng nước ngầm, 43% số chỉ tiêu nước thải, 30% số chỉ tiêu chất lượng đất cao hơn TCVN/QCVN tương ứng.

(3). Khối lượng chất thải rắn đã được ước tính dựa vào hệ số ô nhiễm, hiện trạng và quy hoạch phát triển KTXH. Kết quả ước tính tải lượng ô nhiễm sinh ra từ 10 nhóm đối tượng chính cho thấy hiện nay mỗi ngày tại tỉnh Khánh Hoà thải ra 2.662 tấn CTRSH, 2.051 tấn CTRCN, 44,73 tấn CTRCNNH, 1,01 tấn CTRYT. Dự báo đến năm 2020, mỗi ngày trên địa bàn tỉnh sẽ thải ra 3.437,6 tấn CTRSH, 2.825,8 tấn CTRCN, 123,78 tấn CTNH, 1,73 tấn CTRYT.

(4). Đã xem xét, phân tích các mô hình phân loại CTRCN và CTRSH tại nguồn đang thực hiện trên thế giới (bao gồm mô hình phân loại của các nước: Đức, Nhật Bản, Thái Lan, Philippin) và tại Việt Nam (bao gồm các địa phương: Hà Nội (Miền Bắc), TP. HCM (Miền Đông Nam Bộ), Lâm Đồng (Tây Nguyên), Tiền Giang (Miền Tây Nam Bộ)). Kết quả phân tích các mô hình phân loại rác tại nguồn cho thấy mô hình này gắn kết với chương trình 3R (giảm thiểu, tái sinh, tái sử dụng) sẽ mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường. Kết quả điều tra hiện trạng tại tỉnh Khánh Hoà cho thấy hiện nay tỷ lệ rác được phân loại tại nguồn và tỷ lệ chất thải được tái chế, tái sử dụng rất thấp. Một số mô hình tái chế, tái sử dụng tại Khánh Hoà như tái chế giấy (Công ty Cổ phần Giấy Rạng Đông, Cơ sở sản xuất giấy Hoa Hồng, DNTN Hải Minh), tái chế nhựa (Tên DNTN Hồng Ngọc, DNTN Tiên Hoàng), tái chế kim loại (Công ty TNHH Nhà máy tàu biển Hyundai Vinashin). Đây là những mô hình cần được nhân rộng.

(5). Trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát, thu thập, phân tích các số liệu về điều kiện tự nhiên, môi trường và kinh tế xã hội tại khu vực các bãi rác đang tồn tại và dự kiến quy hoạch, đã xây dựng 11 tiêu chí đánh giá mức độ phù hợp về địa điểm, quy mô, công nghệ và môi trường của các bãi rác rác đang tồn tại và dự kiến quy hoạch:

– Kết quả điều tra cho thấy hiện nay trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà có các bãi rác đang tồn tại bao gồm: Bãi rác đèo Rù Rì (10ha), Bãi rác Dốc Sạn (2ha), Bãi rác Cam An Nam (2ha), Bãi rác Gò Sạn (2ha), Bãi rác Sơn Trung (0,5ha), Bãi rác thị trấn Khánh Vĩnh (0,5ha), Bãi rác Ninh An (5ha) và bãi rác Dốc Ké (2ha) và các bãi rác quy hoạch mới bao gồm: Bãi rác thôn Lương Hoà (10ha), Bãi rác Đồng Bà Cỏ (1 ha), bãi rác Trảng Găng (12,3ha) và các bãi rác dự kiến quy hoạch bao gồm: bãi rác Suối Cát (50ha), bãi rác Thôn Tây, bãi rác Hòn Khô (5ha), bãi rác Suối Hàng (30ha);

– Kết quả đánh giá sự phù hợp về địa điểm cho thấy các bãi rác (Đèo Rù Rì, Gò Sạn) không phù hợp, phải đóng cửa, các bãi rác (Sơn Trung, thị trấn Khánh Vĩnh, Ninh An) có thể tồn tại, nhưng phải cải tạo, các bãi rác (Lương Hoà, Đồng Bà Cỏ, Cam An Nam, Dốc Ké) là phù hợp;

– Kết quả đánh giá sự phù hợp về quy mô cho thấy quy hoạch diện tích các bãi rác thôn Lương Hoà là phù hợp, tổng diện tích các bãi rác Dốc Sạn, Đồng Bà Cỏ phải tăng thêm từ 3ha lên 7,17ha, bãi rác Cam An Nam phải tăng thêm từ 2ha lên 6,3ha, bãi rác Sơn Trung phải tăng thêm từ 0,5ha lên 0,6ha, bãi rác thị trấn Khánh Vĩnh phải tăng

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

1.1. Cơ quan chủ trì và các cơ quan tham gia thực hiện nhiệm vụ đã hoàn thành đầy đủ các nội dung đăng ký trong đề cương đã được phê duyệt tại quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND tỉnh Khánh Hoà. Cụ thể là:

(1). Đã thu thập, xử lý các số liệu đã có sẵn và điều tra, khảo sát tình hình phát sinh chất thải rắn thông thường và nguy hại trên địa bàn từ các hoạt động kinh tế - xã hội theo 10 nhóm đối tượng chính (cụ thể là thu được 1.129 phiếu điều tra trên 2.000 phiếu điều tra được phát đi). Kết quả tính toán hệ số ô nhiễm đối với 10 nhóm đối tượng chính như sau:

– Các doanh nghiệp nằm trong KCN/CCN: Hệ số ô nhiễm do CTRCN và CTNH là 765,6kg/cơ sở/ngày (trong đó CTNH chiếm khoảng 20% khối lượng) và hệ số ô nhiễm trung bình do CTRSH là khoảng 0,5kg/người/ngày;

– Các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn nằm ngoài các KCN/CCN: Hệ số ô nhiễm trung bình do CTRCN và CTNH là 311,01 kg CTRCN/cơ sở/ngày (trong đó CTNH chiếm 20% khối lượng CTRCN) và hệ số ô nhiễm trung bình do CTRSH là 9,2 kg/cơ sở/ngày;

– Các làng nghề TTCN: Hệ số ô nhiễm do CTRCN và CTNH là 165kg/tấn sản phẩm và hệ số ô nhiễm trung bình do CTRSH là khoảng 0,3kg/người/ngày

– Các trang trại chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm: Hệ số ô nhiễm trung bình do CTR từ các cơ sở/trang trại chăn nuôi là 4 tấn/đầu gia súc/năm và 20kg/đầu gia cầm/năm và hệ số ô nhiễm trung bình do CTR từ các cơ sở giết mổ là 35kg/tấn gia súc sống và 35kg/1.000 con gia cầm;

– Các khu đô thị tập trung: Hệ số ô nhiễm trung bình do CTRSH tại các đô thị trung bình 0,6kg/người/ngày (0,5 kg/người/ngày đối với các đô thị khu vực nông thôn, miền núi và 0,7kg/người/ngày tại thành phố, thị xã vùng đồng bằng), hệ số ô nhiễm trung bình do CTRNH là 0,04 kg/người/ngày;

– Các cơ sở kinh doanh dịch vụ: Hệ số ô nhiễm trung bình do CTRSH là 68,3 kg CTRSH/cơ sở/ngày và 0,3 kg CTRNH/cơ sở/ngày;

– Các khu du lịch: Hệ số ô nhiễm trung bình do CTRSH là 0,695kg/khách du lịch/ngày và hệ số ô nhiễm trung bình do CTRNH là 0,041kg/khách du lịch/ngày hoặc hệ số ô nhiễm trung bình do CTRSH là 3,46kg/ha/ngày và hệ số ô nhiễm trung bình do CTNH là 0,208kg/ha/ngày;

– Các bệnh viện và trung tâm y tế cấp huyện: Hệ số ô nhiễm trung bình do CTRSH là 0,99 kg/giường bệnh/ngày, hệ số ô nhiễm trung bình do CTRYT là 0,44kg/giường bệnh/ngày;

– Các phương tiện giao thông: Hệ số ô nhiễm trung bình do CTR là 42,97 kg CTRSH/bến xe/ngày và 1,67kg CTNH/bến xe/ngày;

– Các mỏ khai thác: Hệ số ô nhiễm trung bình do CTRCN và CTNH là 80 kg/tấn sản phẩm đá khai thác và 20 kg/tấn sản phẩm đất sét khai thác, hệ số ô nhiễm trung bình do CTRSH là khoảng 0,5kg/người/ngày;

thêm từ 0,5ha lên 0,8ha, bãi rác Ninh An phải tăng thêm từ 5ha lên 15,8ha, bãi rác Dốc Ké phải tăng thêm từ 2ha lên 2,5ha;

– Kết quả đánh giá sự phù hợp về công nghệ cho thấy hiện nay chỉ có bãi rác thôn Lương Hoà tại TP. Nha Trang có công nghệ phù hợp. Còn tất cả các bãi chôn lấp rác quy mô nhỏ cấp huyện có công nghệ chưa phù hợp;

– Kết quả đánh giá sự phù hợp về môi trường thông qua số liệu phân tích nước rỉ rác, nước mặt, nước ngầm, không khí và đất cho thấy tất cả các bãi rác đều chưa đạt tiêu chuẩn về môi trường.

(6). Đề xuất phương án cải tạo các bãi rác đang tồn tại phù hợp về địa điểm (Dốc Sạn, Sơn Trung, Ninh An, Dốc Ké) và đóng cửa các bãi rác không phù hợp về địa điểm (Đèo Rù Rì, Gò Sạn, Ninh Thủy, thị trấn Khánh Vĩnh) và xây dựng một số bãi rác mới tại các địa điểm phù hợp (Lương Hoà, Đồng Bà Cỏ, Cam An Nam, Trảng Găng, Suối Hàng, Ninh Sim).

– Các hạng mục cải tạo tại các bãi rác đang tồn tại (Dốc Sạn, Sơn Trung, Ninh An, Dốc Ké) là: Ô chôn lấp, hệ thống thu gom và xử lý nước rác, nước thải của BCL, hệ thống thu và xử lý khí gas, hệ thống thoát nước mặt và nước mưa, hàng rào và vành đai cây xanh, hệ thống giao thông;

– Các hạng mục xây dựng tại các bãi rác mới (Lương Hoà) là: Khu loại bỏ CTNH, hệ thống lớp lót, hệ thống thu gom và XLNT, hệ thống thu và xử lý khí thải, hệ thống giám sát, trạm xử lý nước thải, cống và hàng rào, nhà hành chính, cơ sở sửa chữa thiết bị và kho thiết bị, đường sá và tiện nghi rửa phương tiện, thiết bị, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, trạm cân xe, hố chôn rác, xử lý mùi hôi và diệt ruồi, muỗi, côn trùng;

– Quy trình đóng cửa các bãi rác (Đèo Rù Rì, Gò Sạn) là:

- + Tiến hành rào chắn xung quanh khu vực chôn lấp và đặt biển báo;
- + Lấp đất phủ bề mặt hố chôn lấp để hạn chế phát tán mùi hôi;
- + Khi có điều kiện, cho bốc toàn bộ lượng rác này sang chôn lấp tại BCL mới;
- + San lấp và hoàn thiện mặt bằng khu vực, trồng cây xanh trên diện tích này;
- + Chủ thu gom và xử lý chất thải làm báo cáo sau khi đóng cửa BCL để trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét;

(7). Đã đánh giá hiện trạng và xây dựng phương thức thu gom, vận chuyển CTR tại các đô thị, các cụm dân cư, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

– Đánh giá hiện trạng và đề xuất phương thức thu gom và vận chuyển CTR đô thị:

+ CTR đô thị hiện do các Công ty Môi trường Đô thị, Công ty Công trình Đô thị, ... thu gom và vận chuyển đến các bãi rác;

+ Tỷ lệ thu gom đạt khoảng 60% tại các trung tâm huyện/thị và khoảng 30 - 40% tại các xã xa trung tâm;

+ Giải quyết các nguồn phát sinh rác: từ đường phố, từ các hộ dân, từ các khu thương mại, chợ, bệnh viện, ...

– Đánh giá hiện trạng và đề xuất phương thức thu gom và vận chuyển CTRCN:

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 464/UBND

Ninh Hòa, ngày 28 tháng 4 năm 2009

Vv. Vị trí các bãi rác trên địa
bàn huyện Ninh Hòa.

Kính gửi: Sở Xây dựng Khánh Hòa

UBND huyện Ninh Hòa nhận được văn bản số 741/SXD-KTTH ngày 31/3/2009 của Sở Xây dựng về việc lấy ý kiến về vị trí các bãi chôn lấp chất thải rắn tại địa bàn. Vấn đề này, UBND huyện có ý kiến như sau:

Đối với bãi rác tại Hòn Rọ - Ninh An là bãi rác chung của huyện. Trong tương lai sẽ ~~đảm~~ tư một nhà máy xử lý rác tại khu vực này. Để ~~đảm~~ bảo sức khỏe cũng như nguồn nguyên liệu phục vụ cho nhà máy rác hoạt động cần đầu tư mở rộng và nâng cấp thành một bãi rác thái có qui mô lâu dài.

Đối với bãi rác Ninh Thủy: Nằm trong đất thực hiện dự án nhà máy xử lý rác của công ty cổ phần Khoáng sản huyện kim Hà Nội. Do đó, toàn bộ lượng rác tại bãi rác này đã được vận chuyển về bãi rác Hòn Rọ - Ninh An, ~~gửi~~ không một tăng và UBND huyện đã bàn giao đất sạch cho công ty thực hiện dự án. Vì vậy, bãi rác khu vực Ninh Thủy đề nghị chuyển đến tại thôn Ninh Tĩnh - xã Ninh Phước (khu vực này đã được ban quản lý Khu kinh tế Vạn Phong và UBND huyện đi khảo sát, thống nhất làm nghĩa địa và xem xét bố trí một diện tích thích hợp làm bãi rác. Ngoài ra đã được UBND tỉnh đồng ý tại văn bản số 1463/UBND ngày 30/3/2009 về việc địa điểm xây dựng nghĩa địa chung cho các xã Ninh Tây, Ninh Diêm và khu vực phía bắc huyện Ninh Hòa).

Theo kế hoạch huyện Ninh Hòa sẽ tách thành hai đơn vị hành chính. Tuy nhiên, hiện nay Khu vực phía tây chưa có qui hoạch bãi rác. Do đó, trong tương lai cần có một bãi rác để tập trung, xử lý rác tại khu vực này. UBND huyện đề xuất khu vực Hòn Khố - xã Ninh Sim (tại bãi rác hiện có của xã Ninh Sim). Khu vực này không nằm trong qui hoạch đô thị Ninh Sim, có diện tích lớn, gần nghĩa địa và cách xa khu dân cư.

Trên đây là ý kiến của UBND huyện Ninh Hòa về vị trí các bãi rác của huyện. Kính đề nghị sở Xây dựng tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Văn phòng
- CT và các PCT UBND huyện
- Phòng NNMT Công thương
- Lưu VT.



ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

TRẦN CÔNG HOÀN

4

